

\*

Số 16 - CTr/TU

TP. Yên Bái, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ YÊN BÁI KHÓA XX**  
**Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy**  
**về xây dựng, phát triển thành phố Yên Bái giai đoạn 2021 - 2030**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về xây dựng, phát triển thành phố Yên Bái giai đoạn 2021-2030, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Yên Bái xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tạo sự nhất quán cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân thành phố, quyết tâm đưa Nghị quyết sớm đi vào thực tiễn, tạo những bước phát triển toàn diện, bứt phá của thành phố trong giai đoạn 2021-2030 theo đúng quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa được đầy đủ các nội dung Nghị quyết, xác định rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu có tính khả thi cao, phân công rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì, phối hợp để tổ chức thực hiện; gắn thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái với các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy và của Đảng bộ thành phố.

3. Việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái phải được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị, tập thể, cá nhân, phải được triển khai đồng bộ từ thành phố đến cơ sở; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân; thường xuyên chú trọng đánh giá, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn và chỉ đạo của tỉnh.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu đến năm 2025**

**1.1. Về phát triển kinh tế**

- Tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh đạt khoảng 30%.



- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá SS2010) đạt 23.300 tỷ đồng. Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn bình quân hàng năm đạt 11,1%.
- Cơ cấu kinh tế năm 2025: Thương mại - dịch vụ chiếm 52%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 46%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2%.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 đạt 22.000 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 2025 đạt 8.000 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 đạt 700 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 đạt 35.000 tỷ đồng.
- Thành lập mới 600 doanh nghiệp, 25 hợp tác xã.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 1.700 tỷ đồng; đóng góp vào thu ngân sách của tỉnh đạt tối thiểu 25%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 8,3%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 110 triệu đồng.

### **1.2. Về phát triển đô thị**

- Xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị loại II; xây dựng xã Giới Phiên, xã Văn Phú, xã Tân Thịnh trở thành phường. Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 80,4% và đạt trên 50 tiêu chí đô thị loại I.
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt từ 8m<sup>2</sup>/người trở lên.
- Xây dựng 07 phường đạt chuẩn văn minh đô thị; Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính đạt từ 60% trở lên. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt từ 90% trở lên.
- Hoàn thành Hệ thống quản lý đô thị thông minh thành phố Yên Bái. Triển khai 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, trong đó có ít nhất 75% đạt mức độ 4.

### **1.3. Về phát triển xã hội**

- Tuổi thọ trung bình của người dân đến năm 2025 đạt 74,5 tuổi; Số năm sống khỏe đạt tối thiểu 69 năm.
- Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng bình quân 6%/năm.
- Số trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia 100%. Số trường trọng điểm về chất lượng, trường chất lượng cao 09 trường.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt từ 87,5% trở lên, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt từ 68,1% trở lên.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia từng thời kỳ) giảm bình quân 0,6%/năm.



#### **1.4. Về bảo vệ môi trường**

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt từ 100%; tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn nông thôn đạt từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó, cấp nước sạch đạt 50% trở lên.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ 30% trở lên.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường được di dời, hoặc xử lý đạt từ 80% trở lên, trong đó tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

### **2. Mục tiêu đến năm 2030**

#### **2.1. Về phát triển kinh tế**

- Tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh đạt khoảng 35%; tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn bình quân hàng năm đạt 11,4%.

- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ chiếm 52,2%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 46,3%, Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản chiếm 1,5%.

- Tỷ trọng đóng góp vào thu ngân sách của tỉnh đạt khoảng 30%.

- Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 đạt 55.000 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 9%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 150 triệu đồng.

#### **2.2. Về phát triển đô thị**

- Xây dựng thành phố cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt 85%.

#### **2.3. Về phát triển xã hội**

- Tuổi thọ trung bình của người dân đến năm 2030 đạt 75 tuổi; Số năm sống khỏe đạt tối thiểu 70 năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt từ 89% trở lên, trong đó có văn bằng, chứng chỉ đạt từ 80% trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia từng thời kỳ) giảm bình quân 0,5%/năm.

#### **2.4. Về bảo vệ môi trường**

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn toàn đô thị đạt từ 100%.

- Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ 50% trở lên.



- Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn đạt 100%, trong đó, cấp nước sạch đạt từ 65% trở lên.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường được di dời, hoặc xử lý đạt từ 100%.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tập trung phổ biến, quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân**

Các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan đơn vị chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục với các hình thức đa dạng, phong phú đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết, trong đó lựa chọn những nội dung trọng tâm, thiết thực và phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển thành phố Yên Bái giai đoạn 2021 - 2030.

#### **2. Tập trung xây dựng thành phố Yên Bái sớm trở thành đô thị loại II, đô thị phát triển xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc, có sức hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao và ứng phó với biến đổi khí hậu**

##### ***2.1. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự đô thị***

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn 2060 và các quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu chức năng; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 phù hợp quy hoạch chung<sup>1</sup> đảm bảo tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 100%, quy hoạch chi tiết đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư và triển khai các dự án đầu tư.

Đổi mới tư duy và nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch xây dựng, bảo đảm tính liên kết, thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch, dự án, trong đó, cần phải xác định công tác quy hoạch phát triển đô thị phải đi trước một bước và phải đặt yếu tố “xanh, bản sắc, hạnh phúc” lên hàng đầu trong quy hoạch đô thị. Quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng bằng việc quản lý cấp phép xây dựng các công trình. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các

<sup>1</sup> Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cụm thương mại - dịch vụ, quy hoạch phân khu các xã Tân Thịnh, Văn Phú, Giới Phiên thành phường, quy hoạch khu đô thị sinh thái Tuần Quán, khu đô thị Yên Thịnh, khu đô thị phía Nam, khu đô thị Đầm Xanh, khu trung tâm chính trị, hành chính thành phố...



ngành đối với công tác quản lý quy hoạch đô thị. Xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, kiên quyết không để phá vỡ quy hoạch. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quy hoạch, trật tự xây dựng đô thị; quản lý chặt chẽ hoạt động đánh đổ đất, phân định luồng tuyến đảm bảo trật tự mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

## ***2.2. Tập trung huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, lấy chất lượng đô thị làm trọng tâm***

Triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển đô thị thành phố Yên Bái giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị loại II vào năm 2022, đến năm 2030, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I. Ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình dự án trọng điểm trên địa bàn<sup>2</sup>. Tiếp tục nghiên cứu đề xuất với tỉnh triển khai một số công trình quan trọng có sức kết nối, lan tỏa để đầu tư như Dự án cảng Văn Phú, cầu mới phía Nam xã Văn Phú, đường tránh thành phố Yên Bái; đường đầu nối từ đường Kim Đồng (*ngã ba Hoàng Văn Thụ*) đi đường Lý Thường Kiệt (*Sở Giao thông Vận tải*); đường Âu Cơ đi khu công nghiệp phía Nam; đường Âu Cơ đi Hồ Thác Bà; đường Điện Biên (*Báo Yên Bái*) nối đường Tuần Quán; đường vành đai hai (*đoạn Nam Cường đi Minh Bảo*). Thực hiện nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường đô thị hiện có theo hướng đồng bộ kết hợp với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quy hoạch và khuyến khích xã hội hóa dịch vụ các điểm đỗ xe tĩnh. Xây dựng bến xe mới, quy mô khoảng 7,1ha nằm tại vị trí nút giao IC12.

Củng cố và hoàn thiện kết cấu hạ tầng điện; triển khai thực hiện phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị thông minh, để tiết kiệm năng lượng, tạo mỹ quan đô thị phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ khu nhà ở, đường ngõ, xóm được chiếu sáng đạt từ 90% trở lên; đến năm 2030, hoàn thành dự án chiếu sáng đô thị thông minh, tỷ lệ khu nhà ở, đường ngõ, xóm được chiếu sáng đạt 100%.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống kè chống sạt lở và thoát lũ suối Hào Gia, suối Khe Dài, kè Ngòi Yên. Đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống công thoát nước chính, đến năm 2025 cơ bản giải quyết được tình trạng ngập úng cục bộ trong khu vực đô thị. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải đô thị, bổ sung các trạm xử lý nước thải sinh hoạt; đồng thời kêu gọi, vận động đầu tư để triển khai dự án thu gom và xử lý nước thải thành phố Yên

<sup>2</sup> Dự án đường nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (*triển khai hoàn thành đoạn tuyến nối hai đầu cầu Bác Lãm và cầu Tuần Quán*); đường nối quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh; đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; cầu Giới Phiên; đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (*IC15*).



Bái, phần đầu tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật đạt 30% vào năm 2025; đạt 50% vào năm 2030.

Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa, thể dục thể thao hiện hữu; hoàn thiện dự án cải tạo, nâng cấp rạp Hồng Hà trong năm 2021; sửa chữa và xây dựng mới các thiết chế văn hóa trên địa bàn, ưu tiên quỹ đất dôi dư để xây dựng, mở rộng nhà văn hóa, phần đầu đến năm 2025, mỗi xã, phường có 01 nhà văn hóa đa năng; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa, trong đó, phần đầu có 30% đạt tiêu chí nhà văn hóa kiểu mẫu có đủ sân chơi, bãi tập. Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp vùng, cấp đô thị tại khu đô thị mới xã Giới Phiên, phường Hợp Minh; công viên văn hóa Tây Bắc ở khu vực trung tâm đô thị mới tại xã Giới Phiên.

Khuyến khích đầu tư xây dựng Nhà tang lễ, Khu hỏa táng bằng hình thức xã hội hóa, mở rộng nghĩa trang Đá Bia lên 40 ha, xúc tiến xây mới nghĩa trang Minh Bảo quy mô 100 ha. Xây dựng Trung tâm Y tế thành phố đạt tiêu chuẩn hạng II. Khuyến khích phát triển các trung tâm, dịch vụ xã hội hiện đại như Nhà dưỡng lão tự nguyện; trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người khuyết tật, trẻ tự kỷ; trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần...

### ***2.3. Quan tâm giữ gìn, phát triển không gian, cảnh quan đô thị, tạo điểm nhấn và nét đặc trưng của đô thị miền núi***

Từng bước mở rộng không gian đô thị thành phố ra vùng phụ cận, phát triển trục cảnh quan sông Hồng, hướng tới trở thành không gian trung tâm của thành phố; hình thành các khu đô thị mới xã Giới Phiên, phường Hợp Minh, đô thị kiểu mẫu tại xã Văn Phú theo hướng đô thị xanh, đô thị sinh thái, mang bản sắc đô thị miền núi. Coi trọng, gìn giữ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa truyền thống, mang bản sắc riêng của đô thị. Bảo vệ nghiêm ngặt các hồ nước trên địa bàn, hạn chế tối đa việc san lấp hồ nước để tạo cảnh quan thân thiện với môi trường. Tiếp tục duy trì tuyến phố đi bộ Hòa Gia, hoàn thiện đưa vào hoạt động tuyến phố đi bộ Lý Đạo Thành, nghiên cứu xúc tiến hình thành một số tuyến phố đi bộ, kết hợp đạp xe ở các xã, phường phục vụ nhu cầu thể thao, giải trí của nhân dân.

Tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị chú trọng tỷ lệ diện tích cây xanh, thực hiện có hiệu quả mục tiêu trồng mới 60.000 cây xanh đô thị trong giai đoạn 2020-2025, đề án trồng 1 tỷ cây xanh của Chính phủ, để phần đầu đến năm 2025, đất cây xanh đô thị thành phố đạt từ 10m<sup>2</sup>/người trở lên, trong đó, đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 8m<sup>2</sup>/người; năm 2030, đất cây xanh toàn đô thị đạt từ 15m<sup>2</sup>/người. Quản lý chặt chẽ quy hoạch cây xanh đô thị, thực hiện đánh mã số cây trên địa bàn, đồng thời quản lý tốt việc chăm sóc, cải tạo, thay thế hoặc trồng mới cây xanh đô thị. Xây dựng phần mềm quản lý và bảo vệ chăm sóc cây xanh, phần đầu đến năm 2030, hệ thống cây xanh của thành phố được quản lý và bảo vệ trên hệ thống phần mềm.



#### ***2.4. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sự phát triển bền vững***

Lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện nghiêm việc xây dựng, công khai, quản lý các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Tiếp tục quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất rừng, đất lúa sang đất ở, để bảo vệ cảnh quan cho thành phố, thường xuyên rà soát để thực hiện chuyển đổi, quản lý chặt chẽ đối với quỹ đất dôi dư, đất công ích, đất hoang hóa kém hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 22/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XX về bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phục vụ tăng trưởng xanh, bền vững thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Mở rộng phạm vi và thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân đấu tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải rắn toàn đô thị năm 2030 đạt 100%.

Thực hiện di dời theo lộ trình các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp Đàm Hồng ra khỏi khu vực trung tâm thành phố trong năm 2025; đồng thời vận động các cơ sở sản xuất kinh doanh xen kẹt giữa các khu dân cư chuyển đến các khu, cụm công nghiệp và địa điểm hợp lý, để giảm thiểu, hạn chế ô nhiễm môi trường; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chăn nuôi hợp vệ sinh, không nuôi gia súc, gia cầm ở khu vực nội thành đông dân cư.

Đầu tư, sửa chữa nâng cấp các công trình tiêu, thoát nước, khơi thông dòng chảy, nạo vét cống bảo đảm tiêu thoát nước nhanh, chống ngập úng cục bộ. Hoàn chỉnh công trình đê chống ngập sông Hồng, đầu tư nâng cấp đường Thanh Niên; xây dựng phương án quy hoạch tổng thể việc xử lý ngập úng để triển khai xử lý dứt điểm tình trạng ngập úng cục bộ trong mùa mưa lũ tại các phường Yên Ninh, Yên Thịnh, Hồng Hà, Nguyễn Thái Học.

#### ***2.5. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hướng tới xây dựng đô thị thông minh, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, xây dựng xã hội số, kinh tế số***

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 01/3/2021 của Thành ủy về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số; Đề án phát triển đô thị thông minh, bền vững giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021, định hướng đến 2025, phấn đấu đến năm 2030, đưa thành phố Yên Bái tham gia vào chuỗi đô thị thông minh khu vực phía Bắc.

Chú trọng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông gắn với đẩy nhanh chuyển đổi số trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch, đất đai, môi trường, dân cư, tài chính, quản lý đô thị, quản lý điều hành của chính quyền.



Tiếp tục quan tâm đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử. Xây dựng lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Tiến hành từng bước lắp đặt hệ thống wifi công cộng tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước (*Bộ phận phục vụ hành chính công thành phố và xã, phường*), bệnh viện, điểm công cộng đông người, điểm du lịch, di tích lịch sử trên địa bàn thành phố... Thực hiện lắp đặt camera an ninh trên các tuyến đường, tuyến phố, khu vực trọng điểm.

### ***2.6. Tăng cường quản lý trật tự đô thị, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm của nhân dân trong xây dựng đô thị văn minh***

Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm, vận động nhân dân tạo sự thay đổi căn bản về nhận thức, nâng cao ý thức chấp hành, thực hiện hiệu quả nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quy hoạch, trật tự xây dựng đô thị; quản lý chặt chẽ hoạt động đánh, đổ đất, phân định luồng tuyến đảm bảo trật tự mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công đô thị để từng bước giảm chi cho ngân sách Nhà nước, thực hiện đầu thầu, đặt hàng để nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước.

### **3. Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống nhân dân**

Thực hiện cơ cấu lại kinh tế thành phố trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, phát triển mô hình kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị, lấy công nghiệp, thương mại, dịch vụ làm trọng tâm, chú trọng nâng cao năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

#### ***3.1. Phát triển các ngành thương mại, dịch vụ theo hướng văn minh, chuyên nghiệp, tăng trưởng nhanh trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội thành phố***

**3.1.1. Thương mại:** Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 22/01/2021 của Thành ủy về phát triển thương mại - dịch vụ thành phố theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, thúc đẩy kinh tế đô thị tăng trưởng nhanh, bền vững, giai đoạn 2021 - 2025. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2030 đạt 37.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 10,6%/năm. Hoàn thiện mạng lưới bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi... theo trục đường Âu Cơ, các khu đô thị mới liên kết nút giao IC12, IC13 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và các địa bàn đông dân cư. Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý Chợ Yên Bái. Duy trì tuyến phố đi bộ Hào Gia, Lý Đạo Thành kết hợp phát triển



kinh doanh một số loại hàng hóa, dịch vụ phù hợp văn minh, nghiên cứu thí điểm xây dựng “Phố ẩm thực kết hợp mô hình kinh tế đêm” tại trục đường Nguyễn Tất Thành. Thực hiện di dời chợ Yên Ninh sang chợ Bến Đò thuộc xã Giới Phiên; di dời và xây mới các chợ phường Đồng Tâm, Nguyễn Thái Học, Yên Thịnh để dần thay thế bằng các siêu thị, trung tâm mua sắm văn minh, tiện lợi. Xây dựng các gian hàng trưng bày, giới thiệu, bán các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản của địa phương; phát triển kinh doanh thương mại gắn với các tuyến phố đi bộ để tăng cường tính phong phú cho phát triển thương mại.

**3.1.2. Du lịch:** Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái là trung tâm du lịch của tỉnh với hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ chất lượng cao, chuyên nghiệp; các khu trung tâm thương mại, mua sắm, vui chơi giải trí với các thiết chế cao cấp, hiện đại để tổ chức các hoạt động du lịch MICE (*du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện*). Phát triển các nhà hàng, khách sạn cao cấp trong các khu, cụm thương mại dịch vụ dọc theo đường Âu Cơ, đường 32C mở rộng, trên các trục đường mới gắn với các khu đô thị. Duy trì, hoạt động có hiệu quả tuyến phố đi bộ Hào Gia, phường Đồng Tâm; xây dựng thêm 01 tuyến phố đi bộ tại đường Lý Đạo Thành, phường Nguyễn Thái Học. Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng các cấp nhằm tạo điểm đến phục vụ cho công tác phát triển du lịch. Tăng cường các hoạt động liên kết phát triển du lịch giữa thành phố Yên Bái với các địa phương trong và ngoài tỉnh, hình thành các tuyến du lịch để khai thác các tiềm năng du lịch của vùng Tây Bắc.

**3.1.3. Dịch vụ:** Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, bưu chính viễn thông, tài chính - ngân hàng, thẩm mỹ, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí... Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác tốt những cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại; xây dựng hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn thông tin, bảo đảm kết nối cho nền kinh tế số. Đẩy mạnh dịch vụ thanh toán trực tuyến, phát triển thanh toán không dùng tiền tiền mặt. Tạo điều kiện thuận lợi để các ngân hàng tăng chi nhánh, phòng giao dịch ở khu vực nông thôn. Phát triển hệ thống ATM và POS rộng khắp. Phát triển các loại hình vận tải; đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe tĩnh tại các khu vực trung tâm; thu hút đầu tư phát triển hệ thống xe buýt công cộng. Phấn đấu doanh thu dịch vụ vận tải giai đoạn 2021 - 2030 tăng bình quân trên 10%/năm. Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục; phát triển hệ thống nhà trẻ, trường mẫu giáo, bệnh viện tư nhân, phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân cả về số lượng và chất lượng.

### **3.2. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện môi trường trở thành động lực của nền kinh tế**

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về phát triển công nghiệp thành phố Yên



Bái theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung phát triển công nghiệp thành phố theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Phát triển một số sản phẩm công nghiệp có lợi thế như sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ rừng trồng, gỗ ván sàn, ván ghép thanh, viên nén năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp... Chú trọng cải tiến công nghệ, tái sử dụng, tái chế chất thải trong sản xuất, giảm thiểu phát thải ra môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các cam kết, giải pháp bảo vệ môi trường của các chủ dự án, việc xử lý chất thải rắn tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, tạo mặt bằng sạch để thu hút đầu tư; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp phía Nam đạt 100% và khu công nghiệp Âu Lâu đạt 70%. Thực hiện mở rộng cụm công nghiệp Âu Lâu lên 75 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 100% năm 2025; phấn đấu các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch chiếm 10% so với tổng số doanh nghiệp trong cụm. Bổ sung quy hoạch và thành lập một số khu, cụm công nghiệp dọc theo đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, phường Hợp Minh. Hoàn thành di dời cụm công nghiệp Đàm Hồng ra khỏi khu vực trung tâm thành phố trước năm 2025. Đẩy mạnh công tác khuyến công, phát triển tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ. Chú trọng cải tiến mẫu mã, chất lượng, phát triển thương hiệu sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đặc trưng, đưa miền đảo Giới Phiên trở thành thương hiệu lớn của thành phố.

### ***3.3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao gắn với tạo đầu ra bền vững cho sản phẩm***

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả tăng về quy mô và trình độ sản xuất, cách tiếp cận thị trường. Chuyển dịch mạnh sang phát triển nông nghiệp gắn kết với chuỗi giá trị nông sản<sup>3</sup>. Hình thành các vùng nguyên liệu chuyên canh nông sản; đưa các hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị, vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP cơ bản, VietGAP, GlobalGAP... vào sản xuất phấn đấu giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2030 đạt 200 triệu đồng. Phát triển các vùng đảo tập trung tại xã Minh Bảo, xã Giới Phiên gắn liền với phát triển du lịch sinh thái trong thành phố. Chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao để nâng cao giá trị của ngành chăn nuôi. Sản lượng thịt hơi xuất

---

<sup>3</sup> Sản xuất rau an toàn (xã Âu Lâu, Tuy Lộc, Văn Phú); hoa, cây cảnh (xã Minh Bảo, Tuy Lộc); cây ăn quả có múi (xã Văn Phú, Minh Bảo); cây dược liệu (xã Minh Bảo, Âu Lâu, Tuy Lộc, Tân Thịnh); chăn nuôi gia súc, gia cầm (xã Âu Lâu, Minh Bảo, Tuy Lộc).



chuồng năm 2030 đạt 18.000 tấn. Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy hoạch tách khỏi khu dân cư gắn với bảo vệ môi trường. Đến năm 2030, có ít nhất 01 cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn thành phố.

Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tạo điều kiện thuận lợi để các hộ gia đình liên kết với doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo mô hình vùng nguyên liệu tập trung thâm canh, phát triển rừng gỗ lớn, rừng bền vững, rừng được cấp chứng chỉ FSC phục vụ cho chế biến, xuất khẩu sản phẩm gỗ. Phát triển mạnh các hình thức nuôi thâm canh, nuôi cá lồng, lựa chọn các giống mới cho năng suất, chất lượng cao bổ sung vào cơ cấu đàn giống. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn; giải quyết tốt việc làm cho người lao động trong quá trình đô thị hóa. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2025, thành phố hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

### ***3.4. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế, thu hút nguồn lực đầu tư***

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần để nâng cao môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; củng cố nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được để giữ vững vị trí đứng đầu Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) của thành phố trong khối huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và nằm trong nhóm chất lượng điều hành tốt. Phát triển đa dạng, toàn diện các thành phần kinh tế, trong đó chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư. Khuyến khích hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã thành doanh nghiệp; phát triển mạnh kinh tế tập thể theo mô hình hợp tác xã kiểu mới; tổ hợp tác kết nối với kinh tế hộ.

Thường xuyên tổ chức đối thoại, gỡ gỡ để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp phát triển. Nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Câu lạc bộ doanh nhân thành phố; nghiên cứu thành lập các hiệp hội nghề nghiệp thành phố trong một số lĩnh vực để chia sẻ, hợp tác trong sản xuất kinh doanh.

### ***3.5. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách tạo nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội***

Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách, phấn đấu đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp thu ngân sách của thành phố vào thu ngân sách của tỉnh đạt tối thiểu 25%; đến năm 2030 đạt khoảng 30%. Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh để tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho ngân sách nhà nước, đi đôi với tăng cường công tác chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển quỹ đất thu ngân sách giai đoạn 2021 - 2025, gắn với công tác chỉnh trang đô thị.



Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, chăm lo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng. Cơ cấu chi ngân sách theo hướng tăng mạnh tỷ trọng chi đầu tư phát triển; giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dự phòng ngân sách. Đẩy mạnh phương thức khoán chi hành chính, đấu thầu, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước gắn với tự chủ tài chính, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp công để giảm chi cho ngân sách.

Tiếp tục tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ, hoạt động đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Ưu tiên lựa chọn các dự án sử dụng ngân sách cho các dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, các dự án cấp bách phòng chống thiên tai. Phấn đấu tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2030 đạt 90.000 tỷ đồng.

#### **4. Phát triển văn hóa - xã hội hài hòa, toàn diện, bảo đảm cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân**

##### ***4.1. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, đưa thành phố trở thành trung tâm giáo dục đào tạo chất lượng cao của tỉnh, là một trong các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Tây Bắc***

Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà các trường thuộc địa bàn xã vùng ven, tập trung các nguồn lực phát triển giáo dục mũi nhọn, đảm bảo chất lượng giáo dục đồng đều giữa các trường. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất gắn với xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm về chất lượng. Phấn đấu đến năm 2030, trên 40% trường mầm non và tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn mức độ 2. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%. Xây dựng 09 trường phổ thông trọng điểm về chất lượng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác tốt thiết bị phòng học thông minh trong quá trình dạy học. Triển khai mô hình trường học hạnh phúc; phấn đấu 100% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố đáp ứng các tiêu chí trường học hạnh phúc.

Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện chuẩn hóa lực lượng lao động, áp dụng cơ chế đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 đạt 87,5%, năm 2030 đạt 89%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ năm 2025 đạt 68,1%; năm 2030 đạt 80%.

##### ***4.2. Chú trọng phát triển văn hóa - thông tin, đẩy mạnh các phong trào thể dục, thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân***



Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng, phát triển văn hóa, con người thành phố Yên Bái “*Văn minh, thân thiện, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*” giai đoạn 2021 - 2025. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá gắn với phát triển dịch vụ du lịch, xây dựng thành phố Yên Bái hướng tới một đô thị bản sắc và hạnh phúc.

Hoàn thành, khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình văn hóa trọng điểm mang tính biểu trưng và có vai trò quan trọng như di tích Khu mộ Nguyễn Thái Học và các chiến sĩ hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, di tích Bến phà Âu Lâu, khu di tích lịch sử quốc gia Lễ đài sân vận động thành phố Yên Bái, công viên Đồng Tâm, công viên Yên Hòa, bảo tàng tỉnh...

Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa. Phân đấu đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa trên 95%, tỷ lệ thôn, tổ đạt danh hiệu văn hóa trên 95%, tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa là 99%.

Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động thể thao từ thành phố đến cơ sở, bảo đảm 100% xã, phường có thiết chế thể thao đạt tiêu chuẩn. Thu hút đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị tại các trung tâm đô thị mới xã Giới Phiên, phường Hợp Minh.

Thực hiện tốt Đề án đổi mới công tác truyền thông, tuyên truyền trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 theo hướng hiện đại, phù hợp. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống phát thanh, truyền thanh cơ sở, phân đấu đến năm 2025, 100% thôn, tổ dân phố có loa truyền thanh.

#### **4.3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em**

Chủ động làm tốt công tác y tế dự phòng, thực hiện hiệu quả các chương trình y tế. Chủ động kiểm soát, triển khai nghiêm túc, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác trên người. Thực hiện tốt các chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Quản lý chặt chẽ các hoạt động y dược tư nhân, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai xây dựng các trạm y tế xã, phường hoạt động theo nguyên lý y học gia đình. Duy trì và nâng cao kết quả thực hiện các tiêu chí quốc gia về y tế, đảm bảo 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Phân đấu năm 2030, tuổi thọ trung bình của người dân đạt 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 70 năm; duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 99,5%; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi còn 3,8%; chiều cao theo tuổi còn 6,5%.



Tăng cường hợp tác giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa của tỉnh trên địa bàn thành phố với các bệnh viện tuyến Trung ương trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, quản lý vận hành. Xây dựng và phát triển Trung tâm Y tế thành phố đạt tiêu chuẩn hạng II trước năm 2025. Khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng các bệnh viện tư, bệnh viện chuyên khoa chất lượng cao, phòng khám đa khoa.

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở y tế công lập. Từng bước hiện đại hóa ngành y tế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế trên môi trường số với bệnh án điện tử. Xây dựng và triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân, đảm bảo 100% người dân thành phố có hồ sơ sức khỏe điện tử vào năm 2025. Nâng cao trình độ chuyên môn và y đức của đội ngũ y bác sĩ, nhân viên y tế, hướng tới chăm sóc toàn diện người bệnh.

#### ***4.4. Đảm bảo đời sống, việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp; triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội***

Tổ chức kết nối cung - cầu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp liên kết, tuyển dụng lao động; ưu tiên cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đối với lao động bị thu hồi đất nông nghiệp phục vụ cho các công trình dự án trên địa bàn thành phố. Phấn đấu giai đoạn 2021 - 2030, bình quân giải quyết việc làm cho 3.650 lao động/năm.

Hỗ trợ về kiến thức, kỹ thuật sản xuất, định hướng, giới thiệu việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tập trung các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả phù hợp với điều kiện của từng địa phương, cơ sở gắn với việc tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Yên Bái về phê duyệt Đề án hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không có khả năng tự thoát nghèo, giai đoạn 2021-2025, gắn với thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng người có công với cách mạng, phấn đấu giai đoạn 2021 - 2030, bình quân mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,55%. Huy động nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ hộ gia đình người có công với cách mạng và hộ nghèo đặc biệt khó khăn về nhà ở; phấn đấu đến năm 2022, thành phố không còn hộ gia đình người có công, người nghèo khó khăn về nhà ở.

#### ***4.5. Tích cực triển khai các biện pháp để nâng cao chỉ số hạnh phúc cho người dân thành phố***

Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp có tính toàn diện như: phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân; xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở đáp ứng nhu cầu vật chất tinh thần của nhân



dân; phát triển y tế, giáo dục, chăm lo cho người nghèo, đối tượng yếu thế, nắm bắt tình hình nhân dân, giải quyết thủ tục hành chính, giữ gìn an ninh trật tự... để bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân; phấn đấu nâng chỉ số hạnh phúc của người dân thành phố tăng bình quân 6%/năm.

### **5. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Xây dựng thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc trong thế trận an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực, xây dựng môi trường thành phố an toàn, thân thiện, tạo thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và phối hợp giữa các lực lượng vũ trang. Chủ động công tác nắm tình hình, không để xảy ra bất ngờ, bị động; từng bước loại trừ các nhân tố mất ổn định từ bên trong; giữ vững ổn định an ninh chính trị thành phố. Phát huy hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, khuyến khích các thôn, tổ dân phố huy động xã hội hóa để đẩy mạnh phát triển hệ thống Camera an ninh trên địa bàn thành phố.

Hoàn thành xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự thành phố trên địa bàn xã Giới Phiên, từng bước đầu tư, nâng cấp, xây dựng trụ sở làm việc của Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự các xã, phường, trước mắt, triển khai xây dựng trụ sở Công an, Ban Chỉ huy quân sự kiểu mẫu tại xã Tuy Lộc, Minh Bảo.

### **6. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giữ vững niềm tin và bảo đảm sự hài lòng của người dân**

Tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất về ý thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII). Chăm lo xây dựng, củng cố đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng, sự đồng thuận của nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân về vai trò, trách nhiệm của mình đối với sự ổn định và phát triển thành phố.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Đổi mới tư duy trong công tác cán bộ, đặc biệt là trong đánh giá và bổ nhiệm cán bộ theo tinh thần chú trọng đến năng lực, phẩm chất đạo đức và hiệu quả, sản phẩm công tác của cán bộ. Coi trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn cho cán bộ, đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý phù hợp với vị trí việc làm.



Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương gắn với đổi mới việc thực hiện Quy chế phân công các đồng chí cấp ủy viên, lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố tham gia chỉ đạo và dự sinh hoạt tại cơ sở đảm bảo tính hiệu quả, thực chất; chỉ đạo triển khai xây dựng các chi bộ kiểu mẫu trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Quan tâm rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, chú trọng phát triển đảng ở chi bộ thôn, tổ dân phố, trong doanh nghiệp, đảng viên là đoàn viên thanh niên.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng theo hướng chủ động, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ. Phát huy vai trò của các cơ quan nội chính, tư pháp và quần chúng nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Xây dựng, nhân rộng và thực hiện có hiệu quả các mô hình “Dân vận khéo”; kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc. Đổi mới hình thức phối hợp giữa cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác dân vận, đảm bảo tránh chồng chéo, hình thức, kém hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới xây dựng Chính quyền số để hiện đại hóa công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố. Tiếp tục duy trì và nâng cao hệ thống các phòng họp trực tuyến thành phố và các xã, phường. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc triển khai gửi, nhận văn bản điện tử không kèm văn bản giấy trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành Voffice giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của Văn phòng Chính phủ. Đến năm 2030, thực hiện hình thức phòng họp không giấy tờ đối với 100% các cuộc họp của Cấp ủy, Chính quyền thành phố và xã, phường.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Chương trình hành động này, các chi, đảng bộ trực thuộc Thành ủy, các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy, các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội thành phố quán triệt, tổ chức thực hiện Chương trình này đến toàn bộ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân; xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo nội dung, yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương.

2. Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện, tham mưu mục tiêu, giải pháp cụ thể đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm để triển khai thực hiện, theo dõi,



hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy theo dõi, chỉ đạo.

**3.** Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố, các cơ quan, phòng, ban, đơn vị, xã, phường tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng đơn vị, địa phương tham mưu rà soát, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định và thực hiện tốt chế độ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo thực hiện Chương trình hành động./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để bc),
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND TP,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ thành phố,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy,
- MTTQ, các đoàn thể thành phố,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Lưu: VT/TU.

**T/M THÀNH ỦY**

**BÍ THƯ**



**Đỗ Đức Minh**



**Phụ lục 01:**  
**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2021-2030**

(Kèm theo Chương trình hành động số 16 -CTr/TU ngày 16/6/2021 của Thành ủy Yên Bái)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2030						Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo	Lãnh đạo thành phố phụ trách
			Kế hoạch năm 2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2030	Mục tiêu giai đoạn 2025-2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2025-2030				
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>											
1	Tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh	%	30	30		35	35		Trưởng phòng Kinh tế	Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố	
2	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (Giá SS 2010)	%	23.300		111,1	40.000		111,4				
	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá hiện hành)	%	31.750		112,1	60.000		113,6				
3	<b>Cơ cấu kinh tế</b>											
	Thương mại - dịch vụ	%	52			52,2						
	Công nghiệp - xây dựng	%	46			46,3						
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	2			1,5						
4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	22.000		110,2	37.000		110,6	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Chi cục trưởng Chi cục thống kê	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách kinh tế	
5	GTSX công nghiệp trên địa bàn	Tỷ đồng	8.000		107,5	12.000		108,0				
6	GTSX nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	700		105,3	900		105,2				
7	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng		35.000			55.000		Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Trưởng Phòng Quản lý đô thị; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố	
8	Thành lập mới doanh nghiệp	DN	120	600		120	600					
	Thành lập mới hợp tác xã	HTX	5	25		5	25		Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách kinh tế	



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2030						Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo	Lãnh đạo thành phố phụ trách
			Kế hoạch năm 2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2030	Mục tiêu giai đoạn 2025-2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2025-2030				
9	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.700		122,7	3.250		118,2	Chi cục trưởng Chi cục thuế, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường		Chi cục trưởng Chi cục thuế	Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố
10	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân/năm	%			8,3			9,0	Trưởng phòng Kinh tế; Lao động, Thương binh và Xã hội		Chi cục trưởng Chi cục thống kê	Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố
11	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	110		107,8	150		107,1	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường		
<b>II CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b>												
12	Thành phố trở thành đô thị loại II vào năm 2022; cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I năm 2030											Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố
	Xây dựng xã thành phường			3					Trưởng phòng Quản lý đô thị	Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Quản lý đô thị	
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	80,4	80,4		85,0	85,0					
13	Đất cây xanh đô thị	m <sup>2</sup> /người	8			10						Đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách Quản lý đô thị
14	Tỷ lệ khu nhà ở, đường ngõ, xóm được chiếu sáng	%	90			100						
15	Tỷ lệ triển khai dịch vụ hành chính công trực tuyến đạt mức độ 3	%	100	100		100	100		Thủ trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ; Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền	Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Thủ trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ; Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền	Đồng chí Chủ tịch UBND thành phố
	Trong đó: tỷ lệ triển khai dịch vụ hành chính công trực tuyến đạt mức độ 4	%	75	75		100	100					



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2030					Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo	Lãnh đạo thành phố phụ trách
			Kế hoạch năm 2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2030	Mục tiêu giai đoạn 2025-2030				
III	<b>CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI</b>										
16	Tuổi thọ trung bình của người dân	Tuổi	74,5				75		Trưởng phòng Y tế	Giám đốc Trung tâm Y tế	Chi cục trưởng Chi cục thống kê
	Số năm sống khỏe tối thiểu của người dân	Năm	68				69				
17	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia	%	100				100		Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo	Trưởng các phòng, ban, đơn vị; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo
	Số trường trọng điểm về chất lượng, trường chất lượng cao	Trường	8				9				
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	87,5	87,5			89	89	Trưởng phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Lao động, Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	68,1	68,1			80	80			
19	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân/năm	%		0,6			0,5				
IV	<b>CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>										
20	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý khu vực đô thị		100,0				100,0		Trưởng phòng Quản lý đô thị	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Quản lý đô thị
	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý khu vực nông thôn	%	90				100				
21	Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn		100				100		Trưởng phòng Kinh tế	Giám đốc Trung tâm Y tế; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Kinh tế
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	50				65				



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2030						Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp	Lãnh đạo cơ quan phối hợp	Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp báo cáo	Lãnh đạo thành phố phụ trách
			Kế hoạch năm 2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2030	Mục tiêu giai đoạn 2025-2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2025-2030				
22	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý qua hệ thống nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	30				50		Trưởng phòng Quản lý đô thị	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Quản lý đô thị	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách Quản lý đô thị
23	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường được di dời hoặc xử lý	%	80	80			100	100	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Trưởng phòng Quản lý đô thị; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách Quản lý đô thị



**Phụ lục 02: MỘT SỐ CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

(Kèm theo Chương trình hành động số 16 -CTr/TU ngày 16/6/2021 của Thành ủy Yên Bái)



STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
A	<b>Các công trình hạ tầng giao thông</b>		
1	Đường nối Quốc lộ 32, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC12)	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
2	Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
3	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
4	Cầu Giới Phiên, thành phố Yên Bái	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
5	Đường nối quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
6	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
7	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
8	Đường đầu nối từ đường Kim Đồng (ngã ba Hoàng Văn Thụ) đi đường Lý Thường Kiệt (Sở Giao thông Vận tải)	2021-2030	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
9	Đường Âu Cơ đi khu công nghiệp phía Nam	2021-2030	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố



STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
10	Đường Âu Cơ đi Hồ Thác Bà; đường Điện Biên (Báo Yên Bái) nối đường Tuần Quán	2021-2030	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
11	Đường vành đai hai (đoạn Nam Cường đi Minh Bảo)	2021-2030	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
<b>B</b>	<b>Các dự án phát triển hạ tầng đô thị</b>		
<b>I</b>	<b>Trụ sở cơ quan</b>		
1	Dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái	2021-2025	Ngân sách tỉnh
2	Dự án Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng	2021-2025	Ngân sách tỉnh
3	Dự án Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	2021-2025	Ngân sách tỉnh
4	Trụ sở Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Yên Bái	2021-2025	Ngân sách tỉnh
5	Trung tâm hành chính thành phố Yên Bái	2021-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
6	Trung tâm điều trị theo yêu cầu, bệnh viện đa khoa tỉnh	2021-2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác
7	Đầu tư xây dựng trụ sở công an phường	2021-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
<b>II</b>	<b>Chính trang đô thị</b>		
1	Kè sạt lở bờ sông Hồng (đoạn qua khu vực đền Tuần Quán), thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh



STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
2	Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái"	2021-2025	Ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh
3	Mở rộng công viên Yên Hòa	2021-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
4	Dự án cải tạo nâng cấp đường Thanh Niên	2021-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
5	Dự án cải tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử bến phà Âu Lâu	2021-2025	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Rạp Hồng Hà, nhà thi đấu Nguyễn Du	2021	Ngân sách thành phố
<b>III</b>	<b>Phát triển khu đô thị mới</b>		
1	Khu đô thị mới xã Giới Phiên	2021-2030	Nguồn vốn ngoài ngân sách
2	Dự án phát triển khu đô thị mới dọc 2 bên bờ sông Hồng	2021-2030	Nguồn vốn ngoài ngân sách
<b>IV</b>	<b>Phát triển các khu vui chơi, giải trí và công viên cây xanh</b>		
1	Công viên cây xanh hồ Đình Gặt	2021-2030	Ngân sách thành phố và nguồn vốn ngoài ngân sách
2	Công viên vui chơi giải trí hồ Hòa Bình	2025-2030	Nguồn vốn ngoài ngân sách



STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
3	Khu vui chơi, giải trí du lịch sinh thái hồ Nam Cường	2021-2030	Nguồn vốn ngoài ngân sách
4	Khu vui chơi, giải trí công viên Đồng Tâm	2021-2030	Nguồn vốn ngoài ngân sách
<b>V</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>		
1	Nhà tang lễ	2021-2025	Nguồn vốn ngoài ngân sách
2	Dự án xe buýt, bãi đỗ xe tĩnh, giao thông công cộng	2021-2030	Ngân sách thành phố và Nguồn vốn ngoài ngân sách
2	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến ngõ, xóm	2021-2030	Ngân sách thành phố và Nguồn vốn ngoài ngân sách
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị	2021-2030	Ngân sách tỉnh, Ngân sách thành phố
4	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình tiêu, thoát nước chính trên địa bàn thành phố	2021-2025	Ngân sách thành phố và Nguồn vốn ngoài ngân sách
5	Mở rộng cụm công nghiệp Âu Lâu quy mô 70h	2021-2025	Ngân sách thành phố và Nguồn vốn ngoài ngân sách



**Phụ lục 03: LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI II VÀ LOẠI I  
CỦA THÀNH PHỐ YÊN BÁI (CÁC CHỈ TIÊU HIỆN CHƯA ĐẠT)**

*(Kèm theo Chương trình hành động số 16 -CTr/TU ngày 16/6/2021 của Thành ủy Yên Bái)*

Năm	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	Dân số toàn đô thị (1.000 người)	Dân số khu vực nội thành, nội thị (1.000 người)	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km <sup>2</sup> )	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km <sup>2</sup> )	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô) (Cấp)	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥7,5m) (km/km <sup>2</sup> )	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính (%)	Chợ nông thôn (%)	Nhà ở dân cư (%)	Nhà tang lễ (cơ sở)
<b>I. TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 1210/2016/UBTVQH13 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI</b>																
Đô thị loại I	1,75	500,0	200,0	2.000	10.000	20	Quốc gia	10	15	60	90	10	50	70	90	1
Đô thị loại II	1,4	200,0	100,0	1.800	8.000	10	Vùng liên tỉnh	7	10	55	80	4	40	60	60	1
<b>II. HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ YÊN BÁI ĐẾN NĂM 2030</b>																
2019	1,3	110,5	82,6	1.035	8.525	10	Vùng liên tỉnh	7	10	55	88,1	7	35	12,5	80	0
2020					8.667	11	Vùng liên tỉnh	7,5	10,5	60	90	7,3	45,6		85	
2021	1,35	114,2	85,4	1.069	8.811	12	Vùng liên tỉnh	8	11	65	92	7,6	55	16,67	90	1
					9.041	13	Vùng liên tỉnh	8,5	11,5	70	94	7,9	70		95	
2023	1,43	118,0	97,9	1.105	10.106	14	Vùng liên tỉnh	9	12	75	96	8,2	80	0	100	1
2024	1,45	120,0	99,6	1.124	10.275	15	Vùng liên tỉnh	9,5	12,5	80	98	8,5	90	0	100	1
Đến 2025	1,5		101,2		10.446	16	Quốc gia	10	13	85	100	8,8	100	75	100	1



Năm	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	Dân số toàn đô thị (1.000 người)	Dân số khu vực nội thành, nội thị (1.000 người)	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km <sup>2</sup> )	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km <sup>2</sup> )	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô) (Cấp)	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥7,5m) (km/km <sup>2</sup> )	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	Đất cây xanh toàn đô thị (m <sup>2</sup> /người)	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính (%)	Chợ nông thôn (%)	Nhà ở dân cư (%)	Nhà tang lễ (cơ sở)
2026	1,55	124,0	102,9	1.161	10.619	17	Quốc gia	10,5	13,5	85	100	9,1	100	75	100	1
2027	1,6	126,1	104,6	1.181	10.796	18	Quốc gia	11	14	85	100	9,4	100	75	100	1
2028	1,65	128,2	106,4	1.200	10.976	19	Quốc gia	11,5	14,5	85	100	9,7	100	75	100	1
2029	1,7	130,3	108,1	1.220	11.159	20	Quốc gia	12	15	85	100	10	100	75	100	2
Đến 2030	1,75	132,5	110,0	1.241	11.355	21	Quốc gia	12,5	15,5	85	100	10	100	75	100	2